TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 05/01/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên và bà Nguyễn Thị Tâm
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tiến Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Ng; Sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Chị Lò Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ng và anh Bùi Văn H kết hôn ngày 09/12/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau, không cùng nhau vun vén kinh tế. Anh H thường đi ở thất thường, không thường xuyên ở nhà, hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 10 năm 2020. Nay Chị Ng xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Bùi Gia L sinh ngày 29/12/2012, Chị Ng có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu L vì cháu là con gái và cháu cũng có nguyện vọng ở với Chị Ng; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ng có thu nhập 6.000.000 đ/01 tháng đủ để nuôi dưỡng cháu.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H (niêm yết theo quy định), đã triệu tập anh H đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của Chị Lò Thị Ng có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 23/10/2022 thể hiện nội dung như trình bày trên của Chị Ng. Chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Cháu Bùi Gia L có đơn thể hiện nguyện vọng muốn được ở với Chị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 03/10/2022 Chị Lò Thị Ng nộp đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Bùi Văn H; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị Ng có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 10/10/2022 Chị Ng đã nộp tiền tiền tạm ứng án phí và ngày 14/10/2022 nộp biên lai cho Toà án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Chị Ng theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa Chị Lò Thị Ng và anh Bùi Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Chị Ng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1,3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị Ng và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/12/2011, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nga, anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau, không cùng nhau vun vén kinh tế. Anh H thường đi ở thất thường, không thường xuyên ở nhà. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn như Chị Ng trình bày là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Chị Ng, giải quyết cho ly hôn giữa Chị Ng với anh H.

Về con chung: Chị Ng và anh H có một con chung là cháu Bùi Gia L sinh ngày 29/12/2012, Chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu là phù hợp đặc điểm lứa tuổi, giới tính và nguyện vọng của cháu. Mặt khác cháu Chị Ng cũng có thu nhập 6.000.000 đ/ 01 tháng đủ đảm bảo nuôi dưỡng cháu. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của Chị Ng, giao cháu L cho Chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Chị Ng phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, các khoản 1, 3 điều 228, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lò Thị Ng, cho ly hôn giữa Chị Lò Thị Ng và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Gia L sinh ngày 29/12/2012 cho Chị Lò Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Ng phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị Ng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0005059 ngày 10/10/2022, Chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *UBND xã N;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*